

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ TOÀN CẦU HIỆN NAY, ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, ĐÔI ĐIỀU SUY NGÃM

Nguyễn Ngọc Trân<sup>1</sup>

## Tóm tắt

Bài tham luận điểm lại năm vấn đề toàn cầu hiện nay, *Biến đổi khí hậu, Khan hiếm nước ngọt và an ninh nguồn nước, Đại dịch Covid 19, Tự do hóa thương mại và Toàn cầu hóa kinh tế, Phân hóa giàu nghèo*; chỉ ra là chúng đã được cảnh báo trước, tương tác với nhau và tác động liên hoàn nên diễn biến khó lường. Vai trò và trách nhiệm của *con người* được nhấn mạnh.

Trong bối cảnh đó, Đồng bằng sông Cửu Long đứng trước nguy cơ bị xâm thực và lún chìm. Hệ sinh thái ngập nước và rừng tràm cũng như rừng ngập mặn mất đi trên diện rộng. Nền kinh tế ở đồng bằng vẫn hoạt động riêng lẻ theo tỉnh. Kinh tế vùng vẫn còn ở thì tương lai. Đóng góp nhiều cho cả nước, đồng bằng nhận được đầu tư chưa tương xứng, ODA, FDI thuộc loại thấp nhất cả nước. Hạ tầng cơ sở, đặc biệt về giao thông, và nguồn nhân lực được đào tạo yếu kém là hai điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Triển khai ba mũi đột phá chiến lược (cải cách thể chế, hạ tầng cơ sở đặc biệt về giao thông, và nguồn nhân lực) mà ba Đại hội Đảng 11, 12, 13 đã nghị quyết, thực hiện đúng Nghị quyết 120/NQ-CP là con đường để đồng bằng phát triển. Phần cuối là *Đôi điều suy ngẫm* về những bài học có thể rút ra từ những điều đã rõ, về *con người*, về *thể chế*, về sự cần thiết *tiếp cận liên ngành, xuyên ngành, xuyên lĩnh vực, theo thời gian* các bài toán mới đặt ra trong công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực.

**Từ khóa.** *Biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, đại dịch Covid 19, tự do hóa thương mại, toàn cầu hóa kinh tế, phân hóa giàu nghèo, đồng bằng sông Cửu Long, con người, thể chế, tiếp cận liên ngành, xuyên ngành, xuyên lĩnh vực, theo thời gian thực.*

## 1. Một số vấn đề toàn cầu loài người đang đối diện

Nhân loại đang chứng kiến và sống trong năm vấn đề mang tính toàn cầu sau đây.

(1) *Biến đổi khí hậu* từ sự ấm lên toàn cầu kéo theo tan băng, mực nước biển dâng, thay đổi thời tiết, các tình huống cực đoan xảy ra ngày càng nhật hơn, khó dự báo, cường độ mạnh hơn, thời gian kéo dài hơn. Đó là mây nét chính.

Mực nước biển dâng đe dọa các đảo, các vùng ven biển và các châu thổ.

Các thay đổi thời tiết và các tình huống cực đoan đe dọa mọi địa bàn, đặc biệt các vùng đồi núi do lũ ống, lũ quét và sạt lở nhất là khi mưa bão chồng lên mưa bão.

<sup>1</sup> Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học kỹ thuật nhà nước, Chủ nhiệm Chương trình Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long, Đại biểu Quốc hội khóa IX, X, XI, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Đối ngoại của Quốc hội.

Việt Nam đang trải nghiệm cả hai mối đe dọa nói trên và được xếp hạng là một trong những quốc gia bị đe dọa nhất. ĐBSCL là một trong ba châu thổ sông bị đe dọa nhất.

(2) Đi liền với Biến đổi khí hậu là **sự khan hiếm nước ngọt** và **vấn đề an ninh nguồn nước**. Khả năng xảy ra các cuộc chiến tranh vì nguồn nước được dự báo.

(3) **Đại dịch Covid 19**. Cập nhật đến ngày 17/12/2021 có 273.350.904 người bị lây nhiễm, 5.356.070 người tử vong tại 215 quốc gia và vùng lãnh thổ.

(4) **Tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế**. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) được thành lập để điều hành thương mại toàn cầu ngay sau khi Thế Chiến thứ hai kết thúc. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương, khu vực và toàn cầu được ký kết ngày càng nhiều.

Tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế ngày nay *rộng*<sup>2</sup> và *chặt* thông qua hệ thống các ràng buộc thể chế trước hết về thuế quan, về lao động, về sở hữu trí tuệ, nhưng ẩn chứa *hiều mâu thuẫn*. *Sự liên thuộc* giữa các nền kinh tế hiện lên rõ nét qua đại dịch Covid-19.

(5) **Sự phân hóa giàu nghèo** trong lòng mỗi quốc gia và giữa các quốc gia. Có nhận định đây là nguồn gốc của chiến tranh, cho dù các cuộc chiến mang sắc thái sắc tộc, hay tôn giáo, và của các làn sóng di cư, tị nạn.

### **1.1. Tác động tổng hợp, liên hoàn. Tác hại to lớn, đa dạng, khó lường**

◆ Các vấn đề trên xuất hiện hiện nay *không phải là lần đầu tiên*.

Chúng *không đến thành linh* mà đã có dấu hiệu báo trước.

*Biến đổi khí hậu* đã được cảnh báo ít ra từ Rio de Janeiro 1992.

Những bất cập của *Tự do hóa thương mại* qua WTO đã bộc lộ ngay từ khi thành lập tổ chức này và ngày càng sâu sắc mà đỉnh điểm là sự đổ vỡ của Vòng đàm phán Doha năm 2001, mở đường cho sự nở rộ các FTA. *Phân hóa giàu nghèo* và chiến tranh đang diễn ra. *Đại dịch Covid-19*, còn gọi là SARS-CoV2, ít ra từ dịch suy hô hấp cấp tính nặng SARS-CoV bắt đầu từ Phật Sơn, Quảng Đông, Trung Quốc cuối năm 2002.

◆ Nhưng **khác trước cơ bản** là lần này các vấn đề *diễn ra cùng một lúc, tương tác với nhau*, và **tác động tổng hợp, liên hoàn**, do đó diễn biến *khó lường* Các **tác hại đa dạng và to lớn** hơn nhiều.

+ Tổn thất trong đại dịch Covid 19 không chỉ tính bằng số ca lây nhiễm và số ca tử vong vì nó đã *thay đổi sâu sắc thế giới*, không chỉ về mặt *kinh tế* mà còn về các mặt *xã hội, văn hóa, tập quán người dân trong sinh hoạt tiêu dùng, quan hệ giữa các quốc gia* tại tất cả các nước không có loại trừ.

Sức lan truyền của đại dịch được nhân lên với sự giao thương và đi lại nhanh chóng, thuận tiện và rộng khắp giữa các châu lục. Ngăn chặn sự lan truyền ảnh hưởng ngay đến kinh tế đối ngoại, đến sự đi lại của hàng triệu người mỗi ngày trên thế giới và từ đó đến nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt đến các ngành hàng không và du lịch.

<sup>2</sup> Tính đến ngày 29/7/2016 Tổ chức Thương mại thế giới có 164 thành viên, chiếm tỷ trọng 98% thương mại toàn cầu.

Toàn cầu hóa kinh tế khuếch đại xuyên biên giới các tác hại của đại dịch bởi lẽ nó đã tạo ra một sự *liên thuộc* giữa các nền kinh tế. Chỉ cần tắc nghẽn ở một khâu cung ứng là ảnh hưởng đến sản xuất của nhiều nền kinh tế có liên quan.

Thu nhập của người dân ở các đô thị bị đe dọa và mong manh hơn bao giờ. Cách ly xã hội, một nhà máy, một doanh nghiệp ngừng hoạt động là hàng trăm, hàng ngàn người, thậm chí nhiều hơn nữa, trong một thời gian ngắn bị ảnh hưởng: giảm thu nhập, mất công ăn việc làm, thất nghiệp, kéo theo sức mua giảm, hàng hóa ế ẩm, ...

Làn sóng người lao động thu hút từ nông thôn ra thành thị, đến các đô thị và siêu đô thị có các khu công nghiệp, khu chế xuất trước đây, bây giờ tản trở về quê mang theo mầm mống lây nhiễm. Làn sóng này rồi sẽ quay trở lại, đặt ra cho việc “ứng phó linh hoạt, an toàn với đại dịch” nhiều bài toán kinh tế xã hội chưa từng gặp.

Khả năng tiếp cận với vắc xin và được chăm sóc khó khăn vì nghèo, khiến cho ở các nước nghèo, người nghèo có nguy cơ tử vong cao khi bị lây nhiễm.

Trong khi đó những tình huống biến đổi khí hậu cực đoan, mưa, bão, bão tuyết, biên độ nhiệt độ mở rộng (có lúc, có nơi xuống dưới  $-30^{\circ}$ , lên đến trên  $40^{\circ}$ ), kéo dài, xuất hiện khó lường với cường độ ngày càng mạnh. Bão chồng bão, lũ chồng lũ, sạt lở đất diễn ra ở nhiều nơi.

Các tác động dây chuyền này cứ thế diễn ra không loại trừ nước nào, bất luận đã hay đang phát triển, bất luận ở châu lục nào <sup>3</sup>.

### ***1.2. Vai trò và trách nhiệm của con người là không thể phủ nhận***

◆ Trong vấn đề BĐKH toàn cầu, nếu nguồn gốc chính là từ đâu còn chưa thống nhất thì trách nhiệm của con người trong sử dụng lãng phí và lạm thác tài nguyên, gây ra suy thoái môi trường ..., trong phát thải khí nhà kính, là không thể phủ nhận.

*Con người là một thành tố của môi trường*, nhưng là một thành tố đặc biệt do khả năng tác động, cải tạo môi trường cho lợi ích của mình, nhiều khi bất chấp các quy luật liên kết các thành tố của môi trường, không quan tâm đến sự tồn tại của các sinh vật khác và đa dạng sinh học. Con người dường như quên mất rằng xâm hại các hệ sinh thái, làm mất đi sự cộng sinh vốn có trong thiên nhiên, một điều kiện của cân bằng sinh thái, chính là đang hủy diệt chính mình.

◆ Giữa lúc khan hiếm nước được dự báo, độc chiếm nguồn nước của cả một cao nguyên rộng lớn đầu nguồn của nhiều con sông quốc tế, đập đập giữ nước, chuyển vùng nước từ những con sông này cho riêng mình là một hành động, một chính sách ích kỷ, làm trầm trọng thêm khó khăn cho các quốc gia khác ở hạ lưu vực.

◆ Tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế là một lựa chọn từ sự lớn lên không ngừng của lực lượng sản xuất. Nhưng đi theo hướng nào là do con người quyết định. WTO hay FTA, luật chơi vẫn do các nền kinh tế mạnh chi phối. Rất tiếc là hiện nay “một tỷ lệ rất nhỏ dân số thế giới” đang dẫn dắt tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế theo hướng *vì lợi nhuận trước hết và trên hết*.

◆ Mô hình tăng trưởng của các quốc gia lấy tăng trưởng kinh tế làm tiêu chí đầu tiên của phát triển, xem nhẹ gìn giữ và bảo vệ môi trường, công bằng và tiến bộ xã hội.

<sup>3</sup> Nguyễn Ngọc Trân, 2020, *Đại dịch COVID 19 và Phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030* (vnulib.edu.vn)

Tỷ trọng của khu vực thương mại dịch vụ trong GDP được suy tôn là *thước đo trình độ phát triển* của nền kinh tế trong mục đích kích thích tiêu dùng. Đó là những nguyên nhân của tình hình tài nguyên bị lãng phí, môi trường trên Trái Đất ngày càng suy kiệt, phát triển không thể bền vững.

◆ Trong 250 năm qua, con người đã làm nên bốn cuộc cách mạng công nghiệp tiếp nối nhau với nhịp điệu ngày càng nhanh. Con người đã hưởng thụ từ đó, đồng thời bị cuốn hút vào cơn xoáy quay cuồng *mức sống và tiêu dùng*, quên mất *chất lượng của cuộc sống*.

Nếu loài người sử dụng thành tựu của các của cuộc CMCN tốt hơn thì việc rút ngắn khoảng cách giàu nghèo là *có thể*, sự phân bố lợi nhuận từ toàn cầu hóa kinh tế sẽ *không phải là “1% và 99%”*, các cam kết của COP 25 và COP 26 sẽ *khả thi*, *tỷ lệ tiêm vắc xin ở các châu lục sẽ xích lại gần nhau hơn*. *Trái Đất sẽ xanh hơn, phát triển sẽ hài hòa, bao trùm và bền vững hơn*.

◆ Giải pháp cho những bài toán mà các vấn đề toàn cầu đặt ra không phải không có nhưng đi đến các cam kết đã khó, tôn trọng và thực thi các cam kết còn gian nan hơn.

*Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982, Công ước của Liên Hiệp Quốc về việc sử dụng các nguồn nước quốc tế vào mục đích phi giao thông thủy năm 1997, Thỏa thuận Paris COP 25* là những ví dụ cụ thể.

Nguyên nhân dĩ nhiên là từ con người. Nhưng con người đó là ai? Có phải là những thế lực mà việc thực thi không có lợi cho họ?

## 2. Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hiện nay

**2.1. ĐBSCL đang đối diện với những thách thức nào** trong bức tranh toàn cầu điểm lại trên đây.

### *Về môi trường*

◆ Khảo sát biến động mực nước từ mực nước giờ đo đặc tại 9 trạm thủy văn ven biển ĐBSCL từ năm 1988 đến 2020 cho thấy mực nước biển đang dâng lên suốt dọc Biển Đông và Biển Tây, quá trình biển mạnh lên trong mối tương tác sông - biển tại các cửa sông. *Mực nước trung bình năm, mực nước đỉnh triều cao nhất năm, mực nước chân triều thấp nhất năm* tại các trạm thủy văn ven biển tăng trong 33 năm (1988-2020) với hệ số  $R^2$  khá cao<sup>4</sup> (*Hình 1*).

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong ba châu thổ bị đe dọa nghiêm trọng nhất bởi biến đổi khí hậu. Thực tế môi đe dọa còn hơn thế.

<sup>4</sup> Nguyễn Ngọc Trân, 2018, *Evolution of Water Levels at Coastal Hydrological Stations of the Mekong Delta*, ICEC 2018, Caen, France, in Nguyen K., Guillou S., Gourbesville P., Thiébot J. (eds) *Estuaries and Coastal Zones in Times of Global Change*. Springer Water. Springer, Singapore. [https://doi.org/10.1007/978-981-15-2081-5\\_48](https://doi.org/10.1007/978-981-15-2081-5_48). Có thể đọc trực tuyến tại [Evolution of water levels at coastal hydrological stations of the Mekong delta \(vnulib.edu.vn\)](https://vnulib.edu.vn)

Nguyễn Ngọc Trân, 2021, *Biến động mực nước tại các cửa sông ven Biển Đông (1988-2020)* (vnulib.edu.vn)

Nguyễn Ngọc Trân, 2021, *Mực nước tại Năm Căn và phát triển Mũi Cà Mau* (vnulib.edu.vn)

Nguyễn Ngọc Trân, 2021, *Mực nước trạm Sông Đốc, bờ Biển Tây và Bán đảo Cà Mau* (vnulib.edu.vn)

◆ *Nguồn nước về đồng bằng giảm về lượng và về trầm tích* dưới tác động của biến động về lượng mưa và từ việc khai thác nguồn nước sông Mekong trên thượng nguồn, nhất là việc xây các đập thủy điện trên dòng chính trên lãnh thổ Trung Quốc và Lào <sup>5</sup>.

Được hình thành từ trầm tích sông Mekong tải ra Biển Đông trong thời kỳ biển rút, Một câu hỏi được đặt ra: ***Phải chăng ĐBSCL đang bước vào giai đoạn đầu của quá trình ngược lại, biển tiến và trầm tích sụt giảm nghiêm trọng*** mà sạt lở bờ biển, xâm thực và lún chìm đang diễn ra là những dấu hiệu? Nếu đúng thì ĐBSCL đang bị đe dọa trong chính sự tồn tại của mình.

◆ Đồng bằng sông Cửu Long là một châu thổ trẻ, nền đất yếu. Sụt lún tự nhiên cộng với sụt lún gia tốc từ việc khai thác quá mức nước ngầm, từ việc xây dựng công trình và đô thị hóa, sụt lún ở đồng bằng khá nhanh <sup>6, 7</sup>. *Sụt lún là một nhân tố mà mọi quy hoạch vùng ĐBSCL phải tính đến, nhất là “trong tầm nhìn 2050”*.

◆ Thiếu nước ngọt trong vùng ven biển trong mùa khô, nhất là ở Nam Bán đảo Cà Mau là khó khăn lớn nhất dẫn đến khai thác nước ngầm, một nguyên nhân chủ yếu của sụt lún ở địa bàn <sup>8</sup> và tỷ suất di cư thuần của các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng rất cao, lần lượt là -62,7%, -52,2% và -75%. Đã có một số dự án được tài trợ nghiên cứu việc di dân ra khỏi vùng trong bối cảnh biến đổi khí hậu <sup>9,10</sup>.

### ***Về kinh tế:***

Nhìn một cách khái quát, 46 năm biến đổi kinh tế, xã hội và môi trường, ĐBSCL đã đạt được ***những thành tựu rất ấn tượng về kinh tế, nhưng những thay đổi về môi trường cũng rất sâu sắc*** <sup>11</sup>.

◆ Rừng tràm, hệ sinh thái ngập nước ngọt Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, và U Minh cùng với đa dạng sinh học mất rất nhiều. Rừng ngập mặn (RNM) dọc Biển Đông, Biển Tây, Mũi Cà Mau ngày nay cũng vậy, nhường chỗ cho các vuông tôm. ***Một nghịch lý*** là chất độc màu da cam đã không hủy diệt được rừng ngập mặn, rừng tràm vẫn tồn tại trong chiến tranh thì ngày nay lại mất đi trên diện rộng. *Hình 3, 4*.

◆ ***Mô hình sản xuất nông nghiệp hiện nay lãng phí tài nguyên nước, làm suy kiệt tài nguyên đất, thay đổi sâu sắc các hệ sinh thái và làm nghèo đa dạng sinh học***

Nền kinh tế ở ĐBSCL chủ yếu dựa trên khu vực I, khai thác tài nguyên, xung quanh cây lúa và con tôm. Mô hình sản xuất nông nghiệp hiện nay thiên về số lượng, đang

<sup>5</sup> Nguyễn Ngọc Trân, 2020, Nguồn nước về ĐBSCL, những diễn biến gần đây (vnulib.edu.vn);

Nguyễn Ngọc Trân, 2020, Sông Mekong, đập Xayaboury và đồng bằng sông Cửu Long nửa đầu mùa khô 2019-2020 (vnulib.edu.vn)

<sup>6</sup> Theo số liệu đo của Bộ TNMT, tốc độ sụt lún trung bình từ năm 2005 đến 2017 là 5,7 cm/năm, gấp 19 lần mực nước biển dâng mỗi năm (3mm).

<sup>7</sup> Theo số liệu của Cục quản lý tài nguyên nước, 40% tổng lượng nước ngầm khai thác tại ĐBSCL được sử dụng cho sinh hoạt, 40% cho canh tác nông nghiệp và 20% cho sản xuất công nghiệp.

<sup>8</sup> Năm 2013, Tỉnh Cà Mau có 109.096 giếng khoan. Tổng lưu lượng bơm là 373.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. (Nguồn: Báo cáo của Viện Địa chất Na Uy tại Hội thảo “Sụt lún đất ở Bán đảo Cà Mau”, ngày 17/6/2013 tại Cần Thơ)

<sup>9</sup> Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam, *Di cư, tái định cư và biến đổi khí hậu tại Việt Nam*, Hà Nội, tháng 3/2014.

<sup>10</sup> Han Entzinger, Peter Scholten, *Adapting to Climate Change through Migration: A Case Study of the Mekong River Delta*, IOM, 2016, [https://publications.iom.int/system/files/pdf/vietnam\\_survey\\_report\\_vn\\_0.pdf](https://publications.iom.int/system/files/pdf/vietnam_survey_report_vn_0.pdf)

<sup>11</sup> Nguyễn Ngọc Trân, 2019, Vietnamese Mekong Delta, 44 years of economic, social and environmental transformation. Implementation of the Resolution No 120/NQ-CP (vnulib.edu.vn)

lãng phí tài nguyên nước, một mặt không cho nước phù sa vào ruộng, và mặt khác thoát nước ra nhanh để có đủ thời gian làm ba vụ lúa trong năm, có nơi bảy vụ trong hai năm. Làm như vậy, mô hình này đang khai thác kiệt quệ tài nguyên đất. *Hình 2.*

♦ **Nền kinh tế của 13 tỉnh thành phố ĐBSCL vẫn hoạt động riêng lẻ**, không hỗ trợ nhau thậm chí còn cạnh tranh, cản trở nhau. Ai cũng biết nền kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long không phải là phép cộng số học của 13 nền kinh tế của 12 tỉnh và Thành phố Cần Thơ. Thế nhưng mức tối thiểu là **liên kết với nhau vẫn chưa có được.**

Một nền **kinh tế vùng** cho ĐBSCL vẫn còn ở thì tương lai mặc dù đã được Chương trình khoa học cấp nhà nước, *Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long* đề xuất từ năm 1990<sup>12</sup> cách đây hơn 30 năm.

**Nghịch lý thứ hai** là trong khi nền kinh tế các nước đang đến với nhau, Việt Nam hội nhập sâu rộng với thế giới, thì đến hôm nay ở ĐBSCL vẫn là 13 nền kinh tế riêng lẻ!

♦ **Hạ tầng cơ sở yếu kém, đặc biệt hệ thống giao thông**, đường thủy nội địa, hàng hải, và đường bộ, không đủ sức chuyên tải sản phẩm nông nghiệp mà đồng bằng làm ra mặc dù đây là một trong *ba mũi đột phá chiến lược* đã được nghị quyết liên tiếp từ Đại hội Đảng lần thứ XI, XII và khẳng định lại ở Đại hội XIII. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công cần được đánh giá lại một cách khách quan. *Hình 5.*

Hạ tầng cơ sở về y tế đã bộc lộ sự yếu kém rõ hơn bao giờ khi mà đồng bằng đương đầu với đại dịch Covid-19.

♦ Trong 28 năm (1993-2020) lũy kết ODA cho ĐBSCL đạt 6,641 tỷ USD, bằng 7,59% tổng vốn ODA cho cả nước. Trong 32 năm (1988-2019) tổng số dự án FDI vào ĐBSCL là 1707, với tổng vốn đăng ký là 23,065 tỷ USD, lần lượt bằng 5,51% và 6,35% tổng số dự án và tổng vốn đăng ký FDI trong cả nước<sup>13</sup>.

*Cả ODA lẫn FDI phân bổ về ĐBSCL thuộc loại thấp nhất trong 6 vùng của cả nước.*

Mang lại cho đất nước 90% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo, 60% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản, nhưng **đầu tư cho ĐBSCL ra sao? Từ năm 2009 thu nhập bình quân đầu người/năm ở đồng bằng sông thấp hơn bình quân cả nước.**

#### **Một số chỉ tiêu văn hóa xã hội<sup>14</sup>**

♦ **Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm** giai đoạn (2009 – 2019) thấp nhất cả nước (0,05% ĐB / 1,14%/năm cả nước). **Chỉ số già hóa dân số** cao nhất nước, (58,5% / 48,8%). **Tỷ suất di cư thuần** là -39,9% cao nhất nước. *Bảng 7.*

♦ ĐBSCL luôn được nhắc đến như là một vùng **trũng về giáo dục**. Điều này thể hiện rất rõ qua kết quả Tổng điều tra Dân số. **Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ** thấp nhất nước (94,2% / 95,8%) chỉ xếp trên Tây Nguyên (91,3%). **Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên đã tốt nghiệp THPT** thấp nhất cả nước (11,3% / 17,3%). **Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật**, thấp nhất cả nước (9,7% / 19,2%). **Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường** cao nhất cả nước (13,3% / 8,3%), đồng hạng với Tây Nguyên.

<sup>12</sup> Nguyễn Ngọc Trân (chủ biên), 1991, Báo cáo tổng hợp *Đồng bằng sông Cửu Long: Tài nguyên - Môi trường - Phát triển* (vnulib.edu.vn)

<sup>13</sup> Số liệu đến 2020 từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng Cục Thống kê.

<sup>14</sup> Số liệu trích dẫn trong đoạn này là từ *Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số tháng 4 năm 2019*, Tổng Cục Thống kê, Hà Nội tháng 12.2019.



♦ *Tỷ lệ lao động giản đơn* cao hơn bình quân cả nước (35,9% / 33,2%) chỉ thấp hơn Tây Nguyên (47,6%) và Trung Du và miền núi phía Bắc (60,7%).

*Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, có bằng, chứng chỉ* thấp nhất cả nước (13,6% / 23,1%). Hình 6.

Với hạ tầng cơ sở giao thông thấp kém, với trình độ dân trí và lao động như vậy, khó khăn của đồng bằng trong tiếp nhận FDI là một hệ quả tất yếu.

♦ Trong bối cảnh kinh tế, xã hội và môi trường như trên, việc từ năm 2009 thu nhập bình quân đầu người /năm ở ĐBSCL thấp hơn bình quân cả nước suy cho cùng là điều hiển nhiên, và sẽ còn tiếp tục xuống thấp hơn nữa nếu không kiên quyết khắc phục hai điểm nghẽn đã nêu.

## **2.2. Làm gì để vượt qua các thách thức, phát triển bền vững**

### **(1) Triển khai đúng NQ 120/NQ-CP.**

Nghị quyết 120, đúc kết ý kiến của các Bộ ngành, của các chuyên gia trong và ngoài nước tại Hội nghị Cần Thơ tháng 9/2017, đề ra bốn quan điểm chỉ đạo rõ ràng.

Nổi bật nhất là (a) *Thay đổi tư duy phát triển*, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, từ phát triển theo số lượng sang chất lượng; (b) *Tôn trọng quy luật tự nhiên*, chủ động sống chung với lũ, ngập, coi nước lợ, nước mặn là tài nguyên; (c) *Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới*.

Triển khai nghiêm túc Nghị quyết, sẽ giúp ĐBSCL vượt qua các thách thức, đi vào quỹ đạo phát triển bền vững.

### **(2) Giải quyết hai điểm nghẽn chính: hạ tầng cơ sở giao thông và nguồn nhân lực**

Nhất là khi đó cũng là hai trong ba khâu đột phá chiến lược đã được Đại hội Đảng XI, XII và XIII nghị quyết.

### **(3) Sớm thể chế hóa liên kết vùng, tiến tới kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long**

Chậm ngày nào là sức mạnh tổng lực của đồng bằng còn bị kìm hãm, không được phát huy ngày ấy, tổn thất cho đồng bằng và cho cả nước.

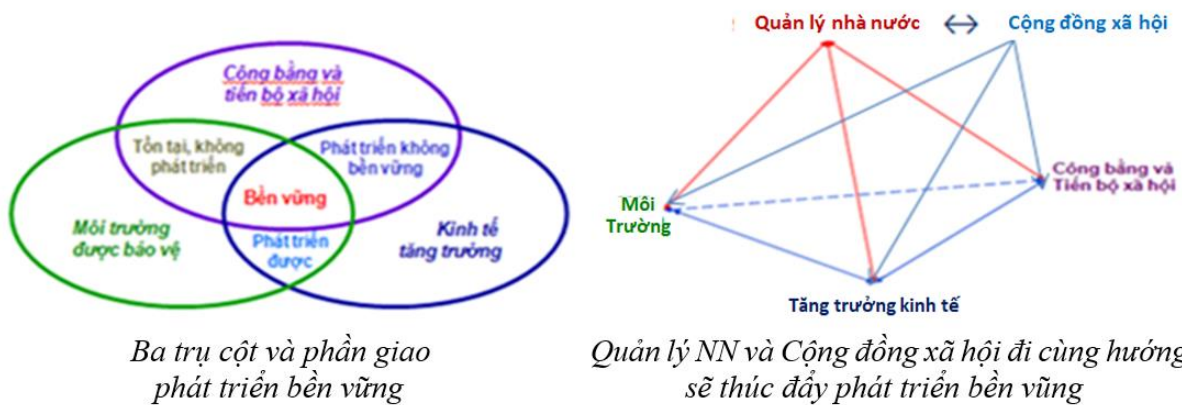
Từ thực tế đã trải nghiệm trong 46 năm qua,

**(4) Phát triển hài hòa ba trụ cột, Tăng trưởng kinh tế, Công bằng và tiến bộ xã hội, Bảo vệ môi trường.** Không đánh đổi môi trường vì tăng trưởng kinh tế. Điều này là chủ trương của Đảng, đã được đề cập nhiều. Cái chính là thực hiện.

**(5) Quản lý nhà nước tốt có tính quyết định** trong kiến tạo mô hình tăng trưởng, trong hoạch định các quy hoạch phát triển với tầm nhìn trung và dài hạn, các kế hoạch 5 năm sao cho phát triển của đất nước, của các vùng kinh tế-sinh thái trong đó có ĐBSCL nằm trong phần giao bền vững. *Hiệu lực* của quản lý nhà nước đòi hỏi giảm bớt chông chéo, phối hợp tốt hơn giữa các Bộ ngành, giữa Bộ ngành và địa phương, giữa các địa phương, cũng như vào mức độ quán triệt và triển khai đúng NQ 120/NQ-CP.

**(6) Vai trò của cộng đồng xã hội là không thể thiếu** vì con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể của mọi chuyển đổi kinh tế, xã hội và môi trường.

Trong cộng đồng xã hội, các *nhà khoa học*, các *viện, trường*, ngoài nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, còn góp phần tìm ra các quỹ đạo dẫn đến phân giao phát triển bền vững; bằng những tiên bộ khoa học công nghệ nâng cao năng suất và hiệu quả của các khâu trong chuỗi giá trị các mặt hàng nông thủy sản; các *doanh nghiệp* và *doanh nhân* gắn kết các khâu của chuỗi sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra và bằng cách này nâng cao giá trị và thương hiệu các mặt hàng nông thủy sản. *Nhà nông*, mỗi *nông hộ*, từ chỗ nhảy bèn học, bắt chước nhau sản xuất, phải trở thành những doanh nghiệp “siêu vi mô” liên kết với nhau để cùng nhau đi xa, đi vững chắc trong thời buổi các nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa, hội nhập và cạnh tranh khốc liệt.



(7) Cùng bàn bạc để quản lý nhà nước và hành động của cộng đồng xã hội ***tuy trên hai bình diện khác nhau nhưng nhằm cùng mục tiêu: phát triển được bền vững DBSCL.***

Các đề xuất, kiến nghị trên đây càng bức thiết hơn trong “bình thường mới” sau đại dịch Covid-19.

### 3. Đôi điều suy ngẫm

#### 3.1. Đúc kết từ những điều đã rõ để phục hồi và phát triển bền vững

Chưa ai có thể tiên liệu lúc nào sẽ kìm hãm, giảm bớt được sự nóng lên toàn cầu, chặn đứng được Covid 19 hay “ứng phó linh hoạt an toàn” với virus SARS-CoV 2 và các biến thể của nó, cũng như chưa thể đánh giá đầy đủ, định lượng các tác hại mà các tác động tổng hợp, liên hoàn gây ra.

Để sớm phục hồi nền kinh tế, nhiều nước đánh cược với sự trở lại của “bình thường mới”. Có một cách tiếp cận khác là đúc kết những gì cần thiết từ *những điều đã rõ trong rất nhiều điều chưa rõ*. Quốc gia nào sớm biết rút ra kịp thời các bài học cần thiết, quốc gia đó sẽ sớm xây dựng cho mình một *lợi thế*, một *sự vững vàng hơn* trong phát triển.

♦ *Cơ cấu kinh tế* gồm ba khu vực (khai thác tài nguyên, công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng, và thương mại, dịch vụ) sau bình thường mới vẫn như trước hay cần *hợp lý và chịu đựng được tác động tổng hợp và liên hoàn*. *Kinh tế số*, sẽ phát triển mạnh, phải có mặt trong cơ cấu này.



- ◆ Trong bối cảnh thế giới nhiều biến động và bất định, *thị trường trong nước gần 100 triệu dân* phải được xem là một thị trường đúng nghĩa và đầy đủ bên cạnh phục hồi và phát triển kinh tế đối ngoại.
- ◆ *Mô hình tăng trưởng* cần phát triển mạnh theo hướng *kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn* nhằm tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên đang ngày càng cạn kiệt, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái. Nhớ rằng Việt Nam đã long trọng cam kết tại COP 26 Glasgow sẽ phấn đấu để *đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050*.
- ◆ Giãn cách xã hội vừa qua là cơ hội để *“cách mạng số”* phát triển, trong đời sống xã hội, trong cải cách hành chính nhà nước và dịch vụ công, trong giáo dục đào tạo, trong thương mại. Cách mạng số còn có thể đóng góp nhiều hơn nữa, ví dụ như trong *tối ưu hóa đầu tư công, trong xây dựng chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt và hiệu quả, cũng như trong công tác dự báo, đối chiếu kinh nghiệm các nước gần như theo thời gian thực, và trong công tác giám sát đầu tư, ...*
- ◆ Vì con người có trách nhiệm trong năm vấn đề toàn cầu đã nêu, con người phải biết *tự chế ngự mình* và nhớ rằng mình là một thành tố của môi trường. Đại dịch Covid-19 cũng đã giúp nhiều người nhớ rằng *cuộc sống* không phải chỉ có *mức sống và tiêu dùng* mà còn *chất lượng cuộc sống và các giá trị nhân văn* của dân tộc và của nhân loại. Qua đại dịch *sở thích cá nhân phải đi sau lợi ích cộng đồng*.
- ◆ Những khó khăn, đảo lộn về kinh tế, về đời sống là mảnh đất thuận lợi cho tiêu cực và tệ nạn xã hội phát triển. Cách mạng số bên cạnh mặt tích cực (là cơ bản) đã và đang bị lợi dụng vào mục đích tiêu cực len lỏi vào kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế. *Để phát triển bền vững phải chắc tay lái trong các lĩnh vực này*.

### 3.2. Về con người

Vai trò và trách nhiệm của *con người* trong các vấn đề toàn cầu hiện nay đã rõ, không thể phủ nhận. Có nhiều nội dung để bàn, bài tham luận chỉ đề cập ba khía cạnh.

◆ ***Con người vừa là chủ thể vừa là khách thể.*** Cả loài người là *khách thể* là rõ. Còn *con người chủ thể là ai*, từ nhận thức đến động cơ hành động khi tác động của họ, vô tình hay cố ý, là tai hại, là những câu hỏi cần được trả lời nhằm ngăn chặn, ít ra là hạn chế các tác động tiêu cực trong các vấn đề toàn cầu.

◆ ***Con người cam kết và con người vi phạm.*** Giải pháp cho những bài toán mà các vấn đề toàn cầu đặt ra không phải không có nhưng đi đến các cam kết đã khó, tôn trọng và thực thi các cam kết còn gian nan hơn, như trên đã nói.

*Con người nào cam kết, con người nào không thực hiện, thậm chí vi phạm trắng trợn các cam kết? Làm rõ ra, buộc họ phải tôn trọng thì Trái Đất mới xanh được trong hòa bình, thành tựu của khoa học và toàn cầu hóa mới mang lại cho con người khách thể ấm no, hạnh phúc và phát triển toàn diện.*

◆ ***“Phát triển phải lấy con người làm trung tâm”.*** Những năm đầu của thế kỷ XXI, Chương trình Phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) đưa ra khuyến cáo *“Phát triển phải lấy con người làm trung tâm”* để định hướng cho hoạt động của Chương trình. Chủ trương đã có tác dụng nhất định trong xóa đói giảm nghèo ở nhiều nước chậm

phát triển. Với phương châm rất nhân văn này, UNDP mở rộng khái niệm nghèo, từ nghèo chỉ về thu nhập sang **nghèo đa chiều**<sup>15</sup>.

Tuy nhiên thiện chí này chưa đủ. Trong thực tế khoảng cách giàu nghèo, khoảng cách số (digital divide) vẫn ngày càng doãn ra, đa dạng hơn mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư xé toạc ra thêm giữa “con người nói mạng” và “con người không nói mạng”.

### 3.3. Về thể chế

◆ Thể chế không phải là một phạm trù mới. Khi loài người sống thành cộng đồng thì hình thành các điều, lệ, quy định mối quan hệ giữa các cá thể, các nhóm cá thể. Ngay trong thời kỳ manh nha này, *thể chế đã phản ánh tương quan quyền lực* giữa các nhóm, về sau trong mỗi quốc gia, giữa các quốc gia, giữa các quốc gia trong các định chế quốc tế.

Chỉ riêng Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), một tổ chức đa phương mà Việt Nam gia nhập năm 2007 và là thành viên thứ 150, đã có hơn 1600 quy định, trong đó rất nhiều mang tính ràng buộc mà các thành viên phải tuân thủ, ràng buộc cao hơn đối với các thành viên gia nhập sau.

Các thể chế đa phương, song phương, quốc gia và quốc tế, *tổng số là bao nhiêu?* Mỗi con người chúng ta đang bị chi phối bởi bao nhiêu thể chế trực tiếp và gián tiếp, quốc gia và quốc tế? Sẽ rất thú vị nếu tổng hợp lại tất cả, thống kê, phân tích để tìm ra nguyên nhân của các bất cập mà thực tế vận hành cho thấy, và trách nhiệm từ đâu trong các vấn đề toàn cầu hiện nay.

◆ Trở về với nước ta, càng hội nhập quốc tế sâu, toàn diện, các thể chế quốc gia càng phải minh bạch, bớt chông chéo, giảm ngăn cách, tăng liên kết ngành, vùng để bộ máy nhà nước tinh gọn, vận hành hiệu quả, đất nước mạnh lên, người dân có cuộc sống sung túc đa chiều. Mấy vấn đề toàn cầu hiện nay mà đại dịch Covid-19 đang là điểm nóng cho thấy các yêu cầu này là cấp bách, cần được khắc phục một cách căn cơ để “*phục hồi và phát triển bền vững*” đất nước sau đại dịch<sup>16</sup>.

### 3.4. Đổi mới cách tiếp cận trong nghiên cứu và nội dung đào tạo

Các vấn đề toàn cầu đặt ra cho Khoa học nói chung, Khoa học xã hội và nhân văn, và Địa lý nói riêng, không chỉ ở nước ta, những vấn đề rất mới, cấp bách, và cơ bản bên cạnh những vấn đề “có thâm niên” vẫn đang chờ đợi giải quyết thỏa đáng.

Các vấn đề toàn cầu tương tác với nhau, tác động tổng hợp và liên hoàn nên các bài toán mà chúng đặt ra liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, do vậy cần một cách tiếp cận mới thích hợp trong nghiên cứu và một nội dung mới trong đào tạo.

◆ Bao lũ chồng lên bao lũ kéo theo sạt lở ngày càng nghiêm trọng. Vừa thoát nghèo lại tái nghèo.

Biến thể virus còn đang hoành hành lại nối tiếp biến thể mới.

<sup>15</sup> Nghèo đa chiều được hiểu là những thiếu hụt cơ bản, liên hoàn giam hãm người nghèo đô thị khó thoát ra khỏi cảnh nghèo.

<sup>16</sup> Đoạn trong ngoặc kép là chủ đề của *Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2021*, Hà Nội, 05/12/2021.

Cuộc CMCN lần thứ ba (được gọi là Cách mạng số) đang diễn ra chưa đến đỉnh điểm thì CMCN lần thứ tư (được gọi là Cách mạng điều khiển học) đến, gói đầu lên CMCN lần thứ ba.

*Nhịp điệu của các biến động cho thấy phải tính đến biến số thời gian là một yêu cầu hàng đầu đối với công tác nghiên cứu ngày nay. Và khẩn trương để không bị lỡ nhịp, lỗi thời.*

◆ Ứng phó theo chủ trương “số 0 Covid” hay “ứng phó linh hoạt, an toàn với Covid” tác động lên kinh tế, xã hội khác nhau, điều này ai cũng biết, nhưng chung sống lúc nào, ở mức độ nào phù hợp với việc thực hiện “mục tiêu kép” thì cần được định lượng và mô phỏng theo nhiều kịch bản khác nhau để có quyết định sát hợp. Đây là một công việc không thể chỉ của một ngành, liên ngành cũng không đủ, mà *đi xuyên các ngành, các lĩnh vực.*

Quy hoạch một vùng lãnh thổ, quy hoạch một ngành ngày nay không thể không tính đến biến đổi khí hậu, nước biển dâng ở vùng ven biển, và những hệ quả về sạt lở ở vùng đồi núi, bị xâm thực và sụt lún như ở ĐBSCL. Những tổn thất về người và của, cho tới hôm nay vẫn diễn ra mỗi khi bão lũ lớn, đặc biệt ở miền Trung, là một bài học hết sức đắt giá của cách *quy hoạch thủy điện nhỏ* nhiều bất cập trước đây.

Giải ngân vốn đầu tư công nhanh nhưng phải bảo đảm *hiệu quả và chất lượng* của dự án công trình được xây dựng và được duyệt từ nhiều năm trước vẫn còn thích hợp với bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay. Mặt khác, vốn đầu tư vào dự án càng lớn, tác động lên môi trường càng quan trọng<sup>17</sup>. Công trình sẽ phục vụ bền lâu khi chất lượng thi công tốt và khi hai chiều tác động giữa *công trình và môi trường* được đánh giá sâu sát và nằm trong giới hạn cho phép. Chạy theo thời gian thuận tụy hàm chứa nhiều nguy cơ khôn lường, không chỉ về ngân sách.

Dẫn ra một số ví dụ trên đây để thấy rằng cách tiếp cận chuyên ngành và tĩnh tại (không phụ thuộc thời gian, là xấp xỉ đầu tiên khi nghiên cứu một hiện tượng chuyển biến chậm) không còn đủ, chỉ cung cấp những lát cắt theo từng tham số tại một số thời điểm nhất định. Cần tiếp cận *liên ngành, xuyên ngành, xuyên lĩnh vực* và *theo dõi diễn biến theo thời gian* mới sát hợp với các bài toán hiện nay.

*Phân tích dữ liệu đa chiều, mô phỏng và tối ưu hóa; tiếp cận liên ngành, xuyên ngành, xuyên lĩnh vực là những yêu cầu bức thiết khác đối với công tác nghiên cứu khoa học hiện nay.*

Ảnh vệ tinh đa phổ, độ phân giải ngày càng cao, Phương tiện tính toán ngày càng nhanh, khả năng lưu trữ số liệu càng lớn, phần mềm không ngừng được cải tiến là những hỗ trợ quý báu cho công tác nghiên cứu khoa học.

*Những yêu cầu trên đây cũng đặt ra cho công tác quản lý khoa học.*

**Đào tạo** cho xã hội, cho đất nước những công dân, những cán bộ cho bộ máy nhà nước có hiểu biết cơ bản về những vấn đề toàn cầu trong bối cảnh ngày nay là trách nhiệm và vinh dự lớn cho công tác giáo dục và đào tạo.

<sup>17</sup> Nguyễn Ngọc Trân (2020), Đầu tư công, tác động môi trường, luật bảo vệ môi trường.pdf (vnulib.edu.vn)

*Thiết kế ở mỗi cấp, mỗi bậc bao nhiêu tín chỉ, với nội dung gì là một thách thức không nhỏ. Yêu cầu khách quan là hệ thống các tín chỉ thể hiện được tính xuyên ngành, xuyên lĩnh vực cần có, và tốt hơn nữa nếu được thực tập tại các doanh nghiệp, để nguồn nhân lực được đào tạo có kiến thức và kỹ năng cơ bản khả dĩ góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước ngày nay.*

Cuối cùng, đổi mới cách tiếp cận trong công tác nghiên cứu, đổi mới nội dung đào tạo qua các tín chỉ được thiết kế mới cũng là cách chúng ta đi vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà các đặc trưng hàng đầu là rút ngắn khoảng cách không gian và thời gian, điều khiển từ xa và kết nối các đối tượng, và làm mờ nhạt tiến tới xóa ranh giới giữa các khoa học<sup>18, 19</sup>.

[Một số vấn đề toàn cầu hiện nay, Đồng bằng sông Cửu Long, Đòi điều suy ngẫm \(vnulib.edu.vn\)](http://vnulib.edu.vn)

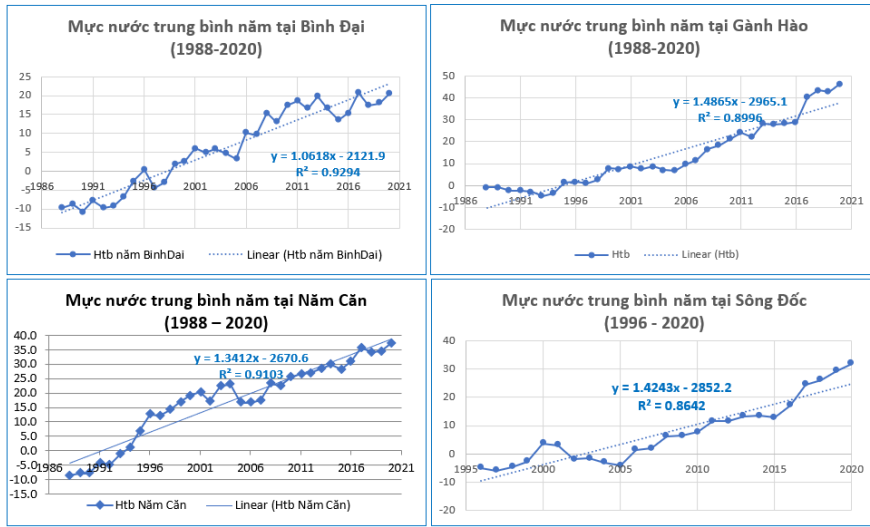
---

<sup>18</sup> Klaus Schwab, 2016, *The Fourth Industrial Revolution*, World Economic Forum, [The Fourth Industrial Revolution](https://www.weforum.org/publications/the-fourth-industrial-revolution), by Klaus Schwab | World Economic Forum (weforum.org)

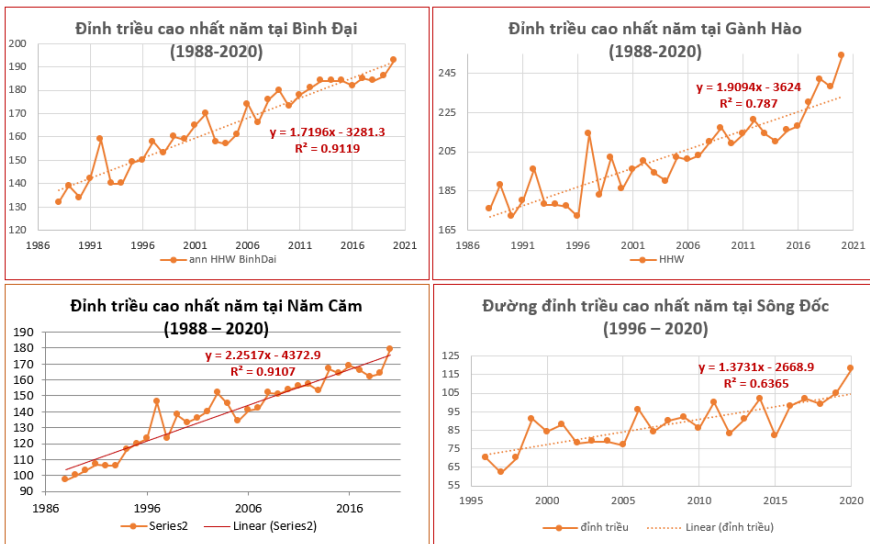
<sup>19</sup> Nguyễn Ngọc Trân, 2018, *Nhìn lại các cuộc cách mạng công nghiệp. Quan hệ với giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học*, <http://baodatviet.vn/dien-dan-tri-thuc/nhin-lai-cac-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-3369843/> và <http://baodatviet.vn/dien-dan-tri-thuc/cach-mang-cong-nghiep-va-giao-duc-dao-tao-nghien-cuu-kh-3369905>

# BẢNG VÀ HÌNH ẢNH ĐI KÈM BÀI THAM LUẬN

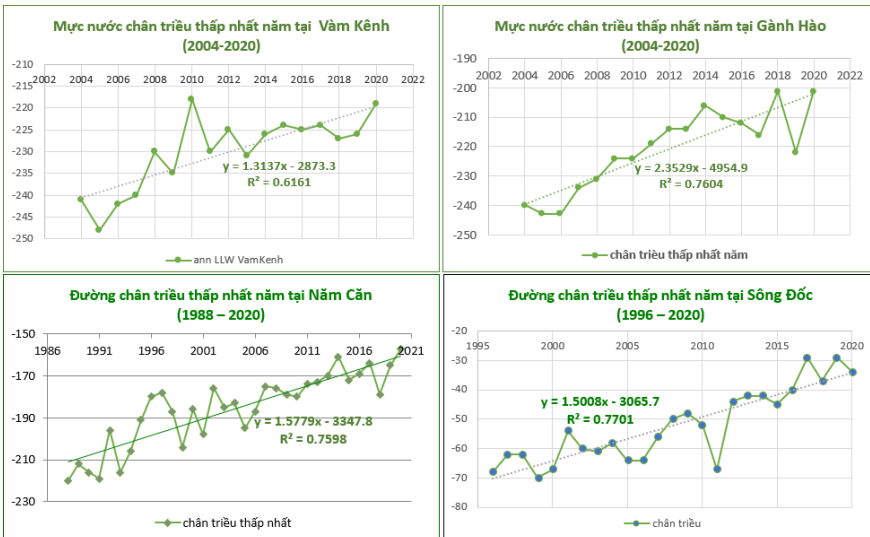
**Hình 1. Diễn biến của mực nước trung bình năm**



**Diễn biến của đỉnh triều cao nhất năm**



**Diễn biến của chân triều thấp nhất năm**









Hình 5.

**HẠ TẦNG CƠ SỞ GIAO THÔNG Ở ĐBSCL (2017)**

CHIỀU DÀI ĐƯỜNG BỘ (tính đến ngày 31/12/2017)													CHIỀU DÀI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (tính đến ngày 31/12/2017)									
Đị hình t.p.hồ	Chia theo cấp kỹ thuật							Chia theo kết cấu mặt đường						Chia theo cấp kỹ thuật								
	Tổng	Cao tốc	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Đang xsđ	Tổng	beton nhựa/Lạng nhựa	beton em	cấp phối	Đường đất	Đang xsđ	Tổng	Cấp DB	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	
ĐBSCL	2578,0	38,7	0,0	25,8	1283,1	562,3	23,3	20,9	623,9	2578,0	1138,2	1248,6	0,4	0,0	0,0	191,7						
An Giang	148,9				90,1	35,5	23,3		148,9	86,4	62,5											
Bạc Liêu	137,3				128,6	8,7			137,3	77,2	60,1											
Bến Tre	138,8							138,8	138,8	76,8	52,8											9,2
Cà Mau	202,5				115,4	35,8		51,3	202,5	63,2	139,3											11,8
Cần Thơ	137,1			6,7	120,3			10,1	137,1	92,4	34,6											10,1
Đồng Tháp	221,3				139,5	81,8			221,3	116,0	105,2											
Hậu Giang	162,1			7,2	130,8	12,9		11,2	162,1	114,5	47,6											
Kiên Giang	357,9				107,7			250,2	357,9	51,8	202,3											103,8
Long An	243,0	28,4		4,0	45,1	135,6		30,0	243,0	90,2	146,8											6,0
Sóc Trăng	259,4				123,9	135,5			259,4	66,3	193,1											
Tiền Giang	161,0	10,3		1,1	75,0	3,5		71,2	161,0	152,8	7,8	0,4										
Trà Vinh	246,6				155,2	65,4		26,0	246,6	89,7	144,1											12,8
Vĩnh Long	162,2			6,8	51,7	47,7		10,8	162,2	59,0	53,4											49,9

Nguồn: Bộ Giao thông Vận tải

**MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG Ở ĐBSCL (2019)**

- \* Trong khi tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009 - 2019 cả nước là 1,14%/năm, thì tỷ lệ này ở ĐBSCL là 0,05%, thấp nhất cả nước.
- \* Trong khi chỉ số già hóa dân số trong cả nước là 48,8% thì chỉ số này ở ĐBSCL là 58,5%, cao nhất nước.
- \* Chỉ số tỷ suất di cư thuần (là hiệu số tỷ suất nhập cư trừ tỷ suất xuất cư) ở ĐBSCL là -39,9% cao nhất nước.
- \* Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ ở ĐBSCL là 94,2% thấp hơn bình quân cả nước (95,8%) và thấp nhất nước, chỉ trên Tây Nguyên (91,3%).
- \* Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên đã tốt nghiệp THPT trong cả nước là 17,3%. Tỷ lệ này ở ĐBSCL chỉ là 11,3%, thấp nhất cả nước.
- \* Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong cả nước là 19,2%. Tỷ lệ này ở ĐBSCL chỉ là 9,7%, thấp nhất cả nước.
- \* Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường trong cả nước là 8,3%. Tỷ lệ này ở ĐBSCL là 13,3%, cao nhất cả nước, đồng hạng với Tây Nguyên.

Hình 6

**Bảng 7. Một số chỉ số về dân số, di cư và đô thị hóa, giáo dục, lao động và việc làm cả nước và 6 vùng (trên); 13 tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long (dưới)**

T.khu	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	STT chỉ tiêu	Toàn quốc Entire country	Thành thị Urban	Nông thôn Rural	Vùng 1 Region 1	Vùng 2 Region 2	Vùng 3 Region 3	Vùng 4 Region 4	Vùng 5 Region 5	Vùng 6 Region 6
<b>1. Quy mô và cơ cấu dân số</b>												
[1]	Tổng dân số	Người	[1]	96 208 984	33 122 548	63 086 436	12 532 866	22 543 607	20 187 293	5 842 681	17 828 907	17 273 630
[2]	Dân số nữ	Người	[2]	48 327 923	16 854 453	31 473 470	6 239 288	11 369 329	10 131 835	2 896 108	9 012 436	8 678 927
[3]	Tỷ lệ dân số thành thị	Phần trăm	[3]	34,4	-	-	18,2	35,1	28,3	28,7	62,8	25,1
[4]	Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm	Phần trăm	[4]	1,14	2,64	0,43	1,26	1,41	0,69	1,33	2,37	0,05
[5]	Mật độ dân số	Người/km <sup>2</sup>	[5]	290	-	-	132	1060	211	107	757	423
[6]	Tổng số hộ dân cư	Hộ	[6]	26 870 079	9 531 605	17 338 474	3 196 385	6 631 787	5 525 330	1 520 976	5 191 367	4 804 234
[7]	Chỉ số già hóa	Phần trăm	[7]	48,8	-	-	36,3	57,4	52,2	28,1	42,8	58,5
<b>4. Di cư và đô thị hóa</b>												
[20]	Tỷ suất nhập cư	Người nhập cư/1000 dân	[20]	22,2	-	-	5,2	16,6	4,9	11,1	80,3	4,9
[21]	Tỷ suất xuất cư	Người xuất cư/1000 dân	[21]	22,2	-	-	23,1	9,1	29,6	23,2	7,5	44,8
[22]	Tỷ suất di cư thuần	Số di cư thuần/1000 dân	[22]	0	-	-	-17,8	7,5	-24,7	-12,1	72,8	-39,9
[23]	Tỷ lệ tăng dân số khu vực thành thị bình quân năm	Phần trăm	[23]	2,6	-	-	2,6	3,2	2,3	1,5	3,3	1,0
<b>5. Giáo dục</b>												
[24]	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ	Phần trăm	[24]	95,8	98,3	94,3	89,9	98,9	96,2	91,3	98,1	94,2
[25]	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên đã tốt nghiệp THPT	Phần trăm	[25]	17,3	22,4	14,6	14,4	20,4	17,5	13,5	22,2	11,3
[26]	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật	Phần trăm	[26]	19,2	31,6	12,4	18,1	27,9	18,5	13,9	20,8	9,7
[27]	Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường	Phần trăm	[27]	8,3	5,7	9,5	8,7	3,2	6,7	13,3	9,5	13,3
<b>6. Lao động và việc làm</b>												
[28]	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cơ bản, chứng chỉ	Phần trăm	[28]	23,1	39,3	15,6	19,0	31,8	22,7	16,3	27,5	13,6
[29]	Tỷ lệ lao động giản đơn	Phần trăm	[29]	33,2	13,0	42,6	60,7	26,9	31,8	47,6	14,2	35,9
[30]	Tỷ lệ thất nghiệp	Phần trăm	[30]	2,05	2,93	1,64	1,20	1,87	2,14	1,50	2,65	2,42

Vùng 1: Trung du và miền núi phía Bắc; Vùng 2: Đồng bằng sông Hồng; Vùng 3: Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; Vùng 4: Tây Nguyên; Vùng 5: Đông Nam Bộ; Vùng 6: Đồng bằng sông Cửu Long.

Nguồn: [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn), Mục An phẩm Thống kê. Kết quả của cuộc TĐT đã được công bố tại Hà Nội ngày 19.12.2019.

STT chỉ tiêu	Tiền Giang	Bến Tre	Trà Vinh	Vĩnh Long	Đồng Tháp	An Giang	Kiên Giang	Cần Thơ	Hậu Giang	Sóc Trăng	Bạc Liêu	Cà Mau	Long An
<b>Quy mô và cơ cấu dân số</b>													
[1]	1 764 185	1 288 463	1 009 168	1 022 791	1 599 504	1 908 352	1 723 067	1 235 171	733 017	1 199 653	907 236	1 194 476	1 688 547
[2]	898 364	657 971	512 310	518 913	800 274	960 782	849 831	622 628	366 811	601 731	453 264	589 575	846 473
[3]	14,0	9,8	17,2	16,6	19,1	31,6	28,3	69,7	25,4	32,4	27,7	22,7	16,1
[4]	0,54	0,26	0,06	-0,02	-0,41	-1,16	0,20	0,39	-0,33	-0,75	0,58	-0,10	1,62
[5]	703	538	428	670	473	540	271	858	452	362	340	229	376
[6]	501 766	402 860	284 675	298 391	446 228	525 656	456 773	359 375	201 970	319 732	223 024	305 290	478 494
[7]	66,2	77,8	58,4	72,4	59,0	52,0	45,9	59,7	59,4	57,0	55,6	51,0	57,7
<b>Di cư và đô thị hóa</b>													
[20]	13,7	12,7	8,6	16,3	7,9	5,8	14,0	44,9	11,7	5,8	7,0	6,4	47,7
[21]	38,5	48,1	53,0	54,6	64,0	77,9	56,7	36,0	72,9	80,8	59,2	69,0	30,2
[22]	-24,8	-35,4	-44,4	-38,3	-56,1	-72,1	-42,7	9,0	-61,2	-75,0	-52,2	-62,7	17,5
[23]	0,8	0,2	1,2	0,8	0,3	-0,1	0,7	0,9	2,3	4,4	1,2	1,0	0,8
<b>Giáo dục</b>													
[24]	95,9	95,2	89,5	95,8	93,8	91,6	93,4	96,5	94,4	89,3	95,1	96,6	96,7
[25]	10,9	10,7	11,0	14,3	11,2	9,3	10,0	18,8	9,8	9,3	8,3	9,0	13,0
[26]	9,6	9,5	8,7	11,4	8,6	8,9	8,9	16,7	8,2	7,4	9,7	9,2	9,6
[27]	12,2	9,6	12,3	7,6	12,2	12,4	17,2	11,4	12,6	15,7	20,5	16,6	12,2
<b>Lao động và việc làm</b>													
[28]	12,9	11,9	12,6	15,6	12,9	13,9	11,9	24,8	11,1	11,8	10,3	12,0	16,2
[29]	45,9	22,7	48,4	50,4	35,7	22,7	29,9	15,8	52,7	33,9	23,5	73,6	25,9
[30]	1,60	1,01	2,53	1,97	3,27	1,88	2,90	3,63	2,45	2,54	3,58	2,78	2,32